

Chương Hai

Chạm Trán Với Thực Tế

Từ lúc anh tỉnh dậy giữa đêm khuya, khoảng bốn giờ sáng, Hoàng không còn ngủ lại được. Anh bèn ra bàn ngồi viết thư về cho vợ con. Trong thư anh kể những chuyện đã xảy đến cho anh kể từ giờ phút anh đặt chân lên chiếc máy bay chở những người tỵ nạn Đông Dương từ Singapore đến San Francisco. Trên chuyến máy bay chuyên chở gần hai trăm người tỵ nạn này anh đã chứng kiến vụ một nữ tiếp viên hàng không da trắng miệt thị người tỵ nạn vì họ không nói được tiếng Anh, anh đã bất mãn và phản đối. Sau khi đến sân bay San Francisco, cả bọn đã được đưa đến Camp Hamilton, một căn cứ Không Quân Hoa Kỳ bỏ hoang ở Novato, ở cách SFO khoảng một giờ xe chạy, nơi đây anh phải tạm trú ba ngày đêm chờ được đưa đi nơi định cư. Anh đã được chỉ định trên giấy tờ bảo lãnh đi Nữu Ước nhưng không hiểu sao nơi đây họ lại tính đưa anh đi Alabama. Sau khi anh phản đối dữ dội, anh được chấp nhận cho đi Nữu Ước, tuy nhiên cơ quan USCC chơi xấu anh, không thông báo cho người bảo lãnh anh biết ngày giờ anh sẽ đến để ra đón nên anh bị một vết đau nhớ đời tại phi trường New York khi phải ngồi chờ vợ tại đó nửa ngày trời chờ thân nhân ra tiếp nhận. Anh cũng tả trong thư sự tiếp đón tử tế của người bảo trợ và những ngày đầu anh sinh sống trong gia đình Hellman. Cuối thư anh nói đến việc anh không được Florence chấp nhận cho anh xin welfare và do đó anh sẽ phải đi kiếm việc làm liền, anh hứa với Nga và các con là ngay khi anh lãnh được lương anh sẽ mua quà gửi về liền.

Khi viết những hàng thơ chót, Hoàng đã xúc động mạnh, tim anh đã đập phồng và anh đã ứa nước mắt. Mới sang đến Mỹ anh đã chạm trán với cái thực tế phũ phàng, từ sự khinh miệt người tỵ nạn của cô tiếp viên người Mỹ trên chuyến máy bay, cho đến sự coi thường anh của tên nhân viên USCC ở camp Hamilton khi anh đến xin đổi đi New York. Tên này cũng là người Việt như anh, chỉ có cái khác là y đã đến Mỹ trước anh và sống ở đây được ít lâu. Y đã tỏ ra phách lối đối với anh; thay vì ăn nói từ tốn lịch sự, tên này đã quát tháo và tỏ ra mình hơn những người tỵ nạn mới chân ướt chân ráo tới đây, dốt nát, chưa biết gì. Anh đã chửi thề và đòi đánh nhau với y, và sự hùng hổ của anh đã làm cho y xun vùi, hết dám bắt nạt anh. Sau đến là sự ngăn cấm của Florence không cho anh lấy tiền trợ cấp mà bắt anh phải đi

làm liền. Anh cũng chẳng sợ, đi làm thì đi làm. Chỉ có điều anh e ngại là liệu anh có kiếm được việc làm hay không thôi.

Chẳng mấy lúc anh nghe có tiếng rục rịch bên phòng lớn bên cạnh là căn phòng của Seymour và Florence. Anh vội bước ra khỏi phòng mình, chui vào phòng tắm đánh răng và rửa mặt. Vừa đúng lúc anh ra, Seymour xuất hiện ở khung cửa phòng ông. Hai người chào nhau "good morning!", Seymour đi vào phòng tắm, còn anh trở vào phòng mình. Anh mặc quần áo rồi đi xuống nhà dưới.

Đúng 7 giờ Florence, còn trong chiếc áo ngủ, đi xuống nhà bếp pha cà phê cho chồng. lát sau, Seymour xuống. Ông đã bận đồ, sẵn sàng đi làm. Florence nói:

- Hôm nay anh Hoàng sẽ đi theo ông lên Manhattan. Ông chỉ cho anh ấy cách mua vé xe lửa khứ hồi. Khi đến Manhattan, ông nhớ hẹn giờ để chiều anh ấy về cùng với ông.

Rồi bà quay sang Hoàng nói:

- Anh đi lên Manhattan thử đi vào các đại học xin việc. Anh nhớ tự giới thiệu là Giáo sư Luật ở Saigon. Có như thế anh mới xin được việc tốt! Anh có tiền đi xe lửa chưa?
- Chưa.
- Tôi cho anh mượn \$10.00. Khi anh lãnh lương anh sẽ trả lại tôi.
- Thưa vâng!

Florence đưa cho anh một tờ giấy mười đô la. Anh cảm ơn bà rồi ngồi vào bàn cùng Seymour uống cà phê và ăn một cái donut còn lại từ hôm trước. Đúng 7 giờ 45 hai người đi bộ ra ga xe lửa để kịp đi chuyến 8 giờ. Ra đến sân ga, Seymour giới thiệu Hoàng với người bán vé và chỉ cho anh cách sử dụng máy bán vé để mua vé khứ hồi. Vừa lấy được chiếc vé từ máy ra thì xe lửa tới. Seymour bảo anh theo ông ta bước ra bến xe đậu rồi bước vào toa xe lửa. Chuyến xe tương đối còn trống nên hai người tìm được chỗ ngồi dễ dàng. Chiếc xe lao đi vùn vụt nhưng chỉ mười phút sau lại dừng ở trạm kế tiếp cho hành khách lên. Như thế chiếc xe lửa dừng ở gần hai chục trạm trước khi đến Pennsylvania Station tại trung tâm Manhattan. Hàng ngàn người tuôn ra từ những chiếc xe lửa mới đến bến chót này. Hoàng chạy theo Seymour để thoát ra khỏi nhà ga. Nữ Ước là thế giới của những kẻ cuống cuống, ai nấy đều đi như ma đuổi. Hoàng không hiểu tại sao ai cũng đều phải vội vã như thế. Trên hai vỉa hè, anh thấy hàng ngàn khách bộ hành ai nấy đều cắm cổ đi như chạy, không ai còn để ý đến gì hơn là bước cho nhanh và tránh những người đi ngược chiều với mình.

Seymour hẹn sẽ gặp lại anh vào lúc 5 giờ chiều trước Penn Station, rồi ông tiến về phía bến xe buýt. Hoàng đứng nhìn ông leo lên chiếc xe đầy nhóc

người. Anh tàn ngần một lúc trước khi bước đi. Anh đi một vòng Penn station để nhớ vị trí nơi này. Chiều nay anh sẽ phải trở lại đúng nơi đây và anh mong sẽ không đi lạc để rồi đến nơi hẹn trễ. Bỗng anh nảy ý lấy cuốn sổ nhỏ mà anh luôn mang theo trong người và cái bút. Anh vội vẽ sơ đồ nơi anh đang đứng và ghi rõ những tiêu mốc để nhận ra như tiệm Bloomingdale trước mặt và tên những tiệm ăn gần nơi đó. Sau khi yên tâm rồi, anh mới quyết định đi nơi khác.

Suốt ngày hôm đó anh đã lê chân đi qua những khu phố thênh thang của thành phố Нью Ước. Anh đã đi qua Times Square mà không biết rằng đây là nơi nổi tiếng nhất Manhattan, nơi mà hàng vạn người tụ tập ăn chơi vui vẻ mỗi cuối năm để chờ giao thừa. Anh đã ngồi nghỉ chân trên băng ghế dài trong khu vườn Central Park nổi tiếng toàn nước Mỹ. Anh đã đi cho đến khi kiệt sức, cho đến khi chân mỏi không còn lê đi được nữa, đi hết khu phố này đến khu phố kia mà không còn biết phải làm gì. Anh nhìn anh trong những tấm kính to lớn của những cửa hàng và tự hỏi mình đang làm gì nơi đó, tại sao mình lại đi một mình trên con đường dài vô tận này. Anh tự nhiên thấy sự vô lý của cuộc đời, sự bất hạnh của mình, và anh cảm thấy chán chường, buồn bực. Anh đã đi vào hai bệnh viện, hỏi xin làm thông dịch viên vì nghĩ rằng sau ba năm dạy danh từ y khoa tại trường Y nha Saigon anh khá thông thạo ngôn ngữ bệnh tật và cách chữa trị; nhưng anh đều bị từ chối. Anh đành xin làm lao công thì người ta nói anh overqualified. Anh chẳng hiểu overqualified là cái gì nhưng vẫn phải tui ngủi ra về. Tại một bệnh viện thứ ba, một người Đại hàn trước kia chiến đấu ở Việt nam nghe anh kể chuyện vượt biên bằng Campuchia gian khổ và suýt chết, thương tình cho anh uống cà phê, hút thuốc lá và hỏi anh có muốn làm security không. Dù không biết làm security là làm gì, anh vẫn vui vẻ nói có và người kia đưa cho anh một đồng hồ sơ về điện, bảo anh điện xong thì mang lại nộp. Lúc khoảng 3 giờ trưa, anh đói lả đi qua mấy tiệm bánh mì anh thấy ghi 1 đô la rưỡi một ổ tính vào mua ăn, xong lại thôi. Trong túi anh chỉ có vốn vụn 10 đồng bạc mà anh đã để dành từ khi lên máy bay ở Singapore, 10 đồng mà anh giữ phòng thân, không dám lấy ra tiêu bậy. Sau đó anh tìm đường trở về khu Penn station và khi về đến nơi, anh cứ ngồi ở đó chờ cho đến lúc Seymour xuất hiện và hai người lên xe lửa ra về. Trên chuyến xe lửa chiều không còn chỗ chen chân, cả anh lẫn Seymour phải đứng lắc lư với con tàu cho đến khi gần về đến Merrick mới tìm được chỗ ngồi. Seymour lúc đó mới tò mò nhìn anh và hỏi:

- Sao? Một ngày trời anh có làm được việc gì nên chuyện không?
- Tôi kiếm được job security tại một bệnh viện gần Chinatown.
- Security job? Tôi không nghĩ là Florence sẽ đồng ý để cho anh nhận công việc ấy!
- Tại sao vậy?

- Tôi để cho Florence giải thích cho anh nghe. Tôi không muốn dính dáng vào vấn đề này.

Thế là Seymour đã gây hoang mang cho anh. Anh chẳng hiểu tại sao ông ta lại nói thế. Anh cảm thấy vừa khó chịu vừa tức tối. Chuyện đi làm là chuyện của anh, mắc mớ gì đến Florence mà bà ta lại cấm cản? Có việc làm là may rồi, còn đòi hỏi gì thêm nữa cơ chứ!?

Khi Seymour mở cửa vào nhà, ông kêu lên, "Hello Florie! I'm home!" rồi leo thẳng lên gác. Thấy thế anh cũng làm theo, và khi vào đến phòng mình, anh liệng đồng hồ sơ lên bàn và nằm ngả lưng xuống giường. Kể từ ngày rời Kämpuchia, anh chưa bao giờ đi bộ nhiều như hôm đó. Anh cảm thấy mệt lả và chẳng còn thấy đói khát gì nữa. Trong đầu anh vẫn quay cuồng câu nói của Seymour và anh muốn biết tại sao người ta lại không muốn cho anh làm cái việc security đó.

Hoàng mới nằm nghỉ được mười mười lăm phút thì có tiếng Seymour gọi anh từ dưới nhà:

- Anh Hoàng! Xuống đây chuẩn bị ăn cơm!

Anh uể oải đứng dậy đi xuống chiếc cầu thang gỗ. Khi vào đến nhà bếp, anh thấy Seymour lum khum đang dọn bàn còn Florence đang làm bếp. Anh thắc mắc không biết Seymour đã nói gì với vợ về cái vụ anh tính làm security hay chưa. Thấy anh, Florence mỉm cười hỏi:

- Sao? Anh đi được những đâu? Anh thấy Manhattan có đẹp không?
- Đẹp lắm nhưng thành phố rộng lớn quá, tôi đi chẳng được bao nhiêu.
- Anh có lấy xe buýt không?
- Không. Tôi chỉ đi bộ. Tôi đi đến gần Chinatown lận. Tôi cứ đi vòng vòng mà chẳng biết đi đâu.
- Để tôi đưa cho anh bản đồ Nữ Ước cho anh nghiên cứu. Lần sau anh đi, anh xem bản đồ thì biết rõ hơn.

Seymour làm như không nghe câu chuyện anh nói với Florence. Ông lảng lảng rời nhà bếp đi vào căn phòng gia đình, chắc hẳn lại để coi truyền hình. Hoàng lấy sẵn những đĩa lớn để lát nữa đây Florence để thức ăn. Cứ chốc chốc anh lại thấy bà mở cửa lò nướng nhìn, rồi lại đóng lại. Ngửa miệng anh hỏi:

- Hôm nay bà có đi làm không?
- Có chứ! Không đi làm sao được? À lúc anh chưa về, có một người đàn bà gọi điện thoại muốn nói chuyện với anh.
- Ai vậy?

- Bà ấy làm cho IRC.
- IRC là cái gì vậy?
- International Rescue Committee. Đó là một cơ quan lo giúp người tị nạn.
- Họ hỏi tôi cái gì?
- Tôi không biết nhưng tôi bảo bà ta sáng mai 10 giờ gọi lại thì có anh tiếp chuyện.

Bữa cơm tối hôm ấy, anh nói với Florence hay anh xin được việc security tại một bệnh viện ở Manhattan. Anh nhờ bà lúc nào rảnh giúp anh điền đơn xin việc và hồ sơ lý lịch. Florence không nhìn anh mà chỉ nói:

- Anh là giáo sư đại học ở Việt nam, anh không thể làm cái công việc tầm thường đó được!
- Như vậy bà muốn tôi làm việc gì? Anh hỏi lại

Florence lúc đó mới nhìn anh với một ánh mắt pha trộn sự ngạc nhiên với sự phật lòng. Chắc bà không dè anh lại hỏi vặn lại bà như thế. Bà không trả lời thẳng câu hỏi của anh:

- Anh chưa hiểu xã hội Mỹ. Ở đây có nhiều người không tốt. Họ sẵn sàng giết người chỉ vì mấy đồng bạc. Làm cái nghề bảo vệ an ninh đó rất nguy hiểm, anh không làm nổi đâu. Thôi đừng nghĩ đến việc đó nữa. Để tôi xin tạm cho anh vài công việc lật vật xung quanh đây cho anh làm đỡ. Tiền không nhiều nhưng việc làm không có gì là khó khăn cả. Nhất là không nguy hiểm.
- Việc gì? Hoàng hỏi
- Tôi chưa biết. Cứ từ từ để cho tôi kiểm! OK?

Sáng hôm sau anh ngủ dậy trễ. Lúc anh bước xuống dưới nhà, thì cả Seymour lẫn Robie đều đã đi khỏi. Florence thì đã chuẩn bị xong và sắp sửa rời nhà đi làm. Bà nói:

- Anh ăn sáng đi. lát nữa khi nói chuyện với người đàn bà ở IRC anh có thể hỏi xem họ có thể kiếm việc gì giúp anh được không. Họ có thể có job developer như mọi cơ quan tị nạn khác.
- Vâng, tôi sẽ hỏi.

Florence lái xe đi. Hoàng uống tách cà phê, rồi anh lo dọn bàn. Anh chẳng muốn ăn bagel nữa. Anh tính làm trứng ăn nhưng sau lại thôi. Từ nhà bếp, anh nhìn qua cửa sổ ra phía sân ngoài sau nhà. Lá cây khô đổ đầy vườn và hôm nay trời âm u bất thường. Anh đứng tần ngần một lúc rồi quyết định ra sân quét dọn lá đổ dưới đất. Anh mở cánh cửa nhỏ đưa ra gara để tìm chổi quét và đồ xúc rác. Nửa giờ sau sân đã sạch sẽ, không còn lá khô. Sau đó

anh đi vòng phía bên hông nhà tính ra phía trước đứng chơi. Vừa ló mặt ra, anh gặp ngay người hàng xóm, một người đàn ông lớn tuổi, đang đứng tưới cỏ. Lịch sự, anh chào ông ta "Good Morning!" Người đàn ông chào lại rồi ông dừng tay; ông lại gần phía bên kia hàng rào gợi chuyện nói với anh. Ông ta tự giới thiệu tên và nói ông sống có một mình, vợ ông đã qua đời, ông nay đã về hưu. Ông nói Florence đã nói về anh với tất cả những người hàng xóm xung quanh từ lâu rồi và ai cũng biết anh đã đến từ hôm thứ bảy. Ông mời khi nào rảnh anh sang bên ông chơi, cần ông giúp gì anh cứ nói. Hoàng cảm ơn ông ta và hứa sẽ sang thăm ông.

Lúc đó đã gần 10 giờ, anh bèn xin lỗi người hàng xóm trở vào nhà, ngồi ở ghế salon chờ điện thoại. Quả nhiên đúng 10 giờ thì chuông điện thoại reo. Người đàn bà nơi đầu giầy bên kia tự giới thiệu, xong hỏi thăm anh xem việc định cư của anh có vấn đề gì không. Anh trả lời rằng mọi chuyện đều tốt đẹp. Bà nói có một số giấy tờ cần chữ ký của anh, bà sẽ gửi bằng bưu điện đến cho anh; ký xong anh gửi trả lại cho bà ta. Bà cũng cho anh hay là anh sẽ nhận được một tấm chèque khoảng hơn 300 đồng; tiền định cư dành cho mỗi người tị nạn. Nghe thế, anh thấy vui vui trong lòng. Như vậy là anh sẽ có một số tiền nho nhỏ bỏ túi giữ phòng thân. Trước khi ngưng, bà hỏi anh có muốn nói gì với bà hay không, anh liền nhờ bà tìm việc cho anh. Bà ta trả lời rằng rất tiếc chỗ bà không có ai phụ trách tìm việc nên không thể giúp anh được, nhưng bà cho anh địa chỉ một cơ quan giúp đỡ người tị nạn đồng dương ở tỉnh bên cạnh và bảo anh đến đó thì sẽ được giúp đỡ. Hoàng ghi địa chỉ và số điện thoại vào trong cuốn sổ nhỏ của anh để khi có dịp anh sẽ đến đó.

Nói chuyện điện thoại xong thì anh chợt nhớ anh có cái thư viết cho vợ đêm hôm trước chưa đem đi bỏ. Anh quyết định đi ra phố, vừa đi chơi một vòng, vừa đi ra bưu điện bỏ thư. Anh lên lầu thay quần áo, rồi cầm chiếc thư đi ra cửa. Anh mở cửa bước ra rồi khép cánh cửa lại mà không khóa. Merrick là một thành phố an ninh, không có trộm cắp nên Florence nói đi đâu cứ việc khép cửa lại mà khỏi cần khóa cửa. Như vậy cũng tiện, khỏi phải lo mất chìa khóa, đi về chỉ việc vặn quả đấm mở cửa đi vào. Lúc đầu, anh rất lấy ngạc nhiên; nhà có bao nhiêu đồ quý giá mà chủ nhà không sợ ai vào lấy mất. Nhưng sau này anh nghĩ, khi mà ai cũng no ấm thì không ai nghĩ đến chuyện lấy đồ của người khác. Xã hội giàu có là như thế.

Hoàng đi dọc theo những nhà ở, qua chục con đường ngang thì đến khu buôn bán. Anh thấy những cửa tiệm nhỏ đủ loại, từ tiệm ăn đến những tiệm may, tiệm bán quần áo giầy dép, tiệm tạp hóa, tiệm sách, tiệm thuốc tây, những nhà sửa xe hơi, trạm bán xăng, ôi đủ loại cửa hàng. Đi một lúc, anh thấy một nhà bưu điện nhỏ xíu, trông tựa như một cửa hàng thường, chỉ khác là đằng trước có treo một lá cờ Mỹ lớn. Anh bước vào, hỏi mua một chục con tem; anh lấy một con dán lên phong thư và bỏ vào thùng thư. Sau

đó anh còn đi lòng vòng chơi, đi đến đâu cũng dừng lại ngắm nghía, dòm ngó cả mấy phút đồng hồ. Anh bước vào một tiệm sách nhỏ, đi quanh quanh cầm những cuốn sách lên, mở ra đọc vài giòng rồi lại bỏ xuống. Anh cũng đi vào một thư viện nhỏ ngồi đọc báo Time và Newsweek cho đỡ mỏi chân.

Trên đường về nhà, anh ghé vào một công viên nhỏ, anh đi băng qua cánh đồng cỏ, dẫm chân lên những lá cây và cành cây khô để nghe tiếng xột xoạt và tiếng cành cây gãy. Tình cờ anh bắt gặp nơi một bụi rậm ba chai bia còn nguyên xi chưa đụng đến. Anh kiểm một túi giấy, bỏ những chai bia vào, lặng lẽ cầm đi theo. Khi về đến nhà, thấy chiếc Cadillac đậu bên đường, anh biết Florence đang ở nhà. Anh vội giấu mấy chai bia ngoài vườn, mở cửa bước vào. Florence đang ngồi nơi phòng khách mở thư ra đọc. Bà đã ghé thùng thư trước cửa nhà lấy thư mới giao sáng hôm đó. Thấy anh, bà ngược mắt lên nhìn rồi nói:

- Anh đi chơi về hả. Tôi sợ anh ở nhà một mình anh buồn, tôi ghé về. Sao sáng nay, anh đã nói chuyện với người đàn bà ở cơ quan IRC chưa?
- Thưa rồi! Không có chuyện gì quan trọng. Bà ấy muốn biết tôi có gặp trục trặc gì trong việc định cư hay không. Tôi nói mọi chuyện đều êm đẹp. Bà ấy sẽ gửi tới cho tôi một số giấy tờ cho tôi ký rồi gửi trả lại.
- Thế anh có nhờ vụ kiểm việc hay không?
- Bà ấy cho tôi địa chỉ một cơ quan giúp người tị nạn Đông Dương, nhưng tôi không biết sao đi đến đó được.
- Anh đưa cho tôi coi địa chỉ nơi đó!

Hoàng mở cuốn sổ con, đưa cho Florence xem địa chỉ anh mới ghi buổi sáng. Florence nói:

- Chỗ này ở Hempstead, ngay gần phòng làm việc của tôi. Sáng mai anh đi theo tôi. Lúc về anh có thể lấy xe buýt đưa anh về đến gần nhà. Tôi sẽ chỉ cho anh nơi anh lấy xe buýt.

Florence ra đi, anh đi đến chỗ giấu mấy chai bia lấy vào nhà. Anh đem lên phòng mình để rồi đi trở xuống lấy một ly lớn nước đá. Anh vặn nút mở một chai bia, rót vào ly rồi đưa lên miệng làm một hơi. Anh cảm thấy thật khoan khoái, hơi bia bốc lên, đi vào mũi anh, thơm ngát. Đã lâu lắm anh không uống bia. Giá mà có thêm con mực nướng hay miếng khô bò thì hay biết mấy! Nhưng không có cũng chẳng sao. Những hớp bia sủi bọt trắng dính vào môi anh, anh cứ đưa ly lên miệng. Chẳng bao lâu anh uống hết cả ba chai bia và thấy hơi say say. Anh vội chạy xuống nhà liệng vỏ chai vào thùng rác, rồi anh vào bếp rửa cái ly, chùi khô, cất lại vào tủ. Anh có cảm giác như anh đang làm lén điều gì, và thấy tim đập nhanh hơn. Anh nhìn lên đồng hồ. Đã 4 giờ chiều. Anh chột dạ. May mà thằng Robie chưa về. Nó mà bắt gặp thì có

thể có chuyện. Nó sẽ bảo anh làm chuyện lén và mách cha mẹ nó. Uống bia chứ có gì đâu, nhưng sao lại không uống dưới nhà mà lại uống trong phòng? Anh thấy dại và tự nhủ lần sau phải cẩn thận hơn, phải suy nghĩ trước khi làm điều gì.

Vừa nghĩ đến thẳng nhóc Robie thì nó mở cửa cái xầm bước vào. Thấy anh nó la lớn:

- Ê Hoàng! Mà đi ra sân banh chơi banh với tao không?

Anh còn đang ngà ngà say nên không muốn đi đâu. Anh đã tính lên lâu năm nghĩ. Anh đã quen với cái thói ăn không ngồi rồi tại các trại tị nạn. Những ngày tháng cuối, anh ở trên đảo Ga Lăng bên Nam Dương, anh chỉ ăn rồi ngủ. Mỗi ngày anh đã đi làm một vài giờ cho cơ quan Save The Children để lấy một đôla mua thuốc hút. Ngoài ra chẳng có việc gì làm, mà cũng chẳng có cách gì để giải trí ngoài việc đi ra biển tắm hay xem người ta tắm. Chiều tối khi những quán cóc mở cửa để cho dân trên đảo vào uống cà phê nghe nhạc vàng, đôi khi anh cũng tới đó cho đỡ buồn. Ba tháng năm chờ ngày đi dài hơn ba năm, thời gian ở đảo anh chưa bao giờ thấy chán hơn.

- Tao không muốn đi đâu hết! Mà đi một mình đi!
- Đi một mình thì chơi với ai?
- Thì mà kêu bạn bè mà đi theo!

Robie nghe bùi tai. Nó nhắc điện thoại kêu bạn, trong khi anh rút lên lâu năm nghĩ. Mười phút sau đó, anh thấy Robie lạch cạch bên phòng của nó. Anh biết nó không rủ được đứa bạn nào đi chơi banh hết.

Sáng hôm sau Florence đưa anh đến cái cơ quan giúp người tị nạn ở Hempstead. Từ nhà đến cơ quan này Florence đã phải lái hơn hai mươi phút. Bà đậu xe trước cơ quan đó cho anh biết chỗ, xong lái quanh ra đằng sau để chỉ cho anh cái bến xe buýt rộng thênh thang, nơi các xe buýt từ khắp nơi đến tụ lại. Bà nói:

- Khi ra đây, anh hỏi thăm chuyến xe nào đi Merrick thì leo lên. Lên xe anh mới phải trả tiền. Mỗi chuyến đi là 35 xu. Khi về đến Merrick, xe sẽ đậu dọc theo con đường chánh xong xong với đường nhà mình. Anh hãy xuống trạm nào gần nhà nhất rồi đi bộ về.
- Thưa vâng!
- Anh muốn xuống đây hay muốn tôi đưa trở lại trước cửa cơ quan?
- Thôi tôi xuống đây cũng được.

Hoàng xuống xe và anh đi bộ vòng trở lại tòa nhà lớn bốn tầng nơi anh thấy có cái bảng bằng đồng nhỏ nơi cửa ghi tên cơ quan: "Indochinese Refugee

Resettlement Center.” Anh đẩy cánh cửa bước vào một hành lang rộng, hai bên là những cánh cửa kính rộng lớn dẫn vào những cơ sở thương mại hay những cơ quan hành chính của quận. Anh đi một vòng mà chẳng tìm thấy lối vào cái cơ quan mà anh muốn đến. Thấy anh cứ lớ ngớ đi đi lại lại, một người Việt tị nạn đi qua hỏi anh:

- Anh người Việt hả? Đi xin việc làm hả? Anh đi theo tôi!

Hoàng như người chết đuối vớ được phao. Anh liền bước theo người đàn ông trẻ tuổi, đi đến cuối hành lang thì thấy hai cánh cửa kính lớn trên có sơn tên cơ quan tị nạn. Người thanh niên kia đẩy cửa bước vào, chào người thư ký Việt ngồi ngay lối ra vào, rồi đi thẳng vào bên trong. Trên bàn người thư ký anh thấy một bảng gỗ dài trên có ghi giòng chữ “Receptionist”. Thấy anh, cô ta hỏi người thanh niên:

- Anh này đi với anh hả anh Liêm?

Người thanh niên tên Liêm trả lời:

- Mỹ Linh đưa hồ sơ cho anh ấy điền. Điền xong cho anh ấy vào gặp tôi.

Người thư ký tên Mỹ Linh đưa cho anh một tấm bià gấp đôi, trong có mấy tờ đơn in sẵn và bảo anh ra nơi có mấy cái bàn học trò ngồi điền. Anh hỏi mượn bút để viết thì cô ta chỉ vào một cái lọ nơi có cắm chục cái bút đủ loại nói:

- Bút đấy, anh thích cái nào cứ lấy! Dùng xong để trở lại vào đó cho em nghe anh!

Nghe người đàn bà trẻ nói ngọt ngào, Hoàng thấy hứng chí. Anh hỏi:

- Em sang đây lâu chưa?
- Dạ thưa cũng gần ba năm rồi thưa anh!
- Ở vùng này có nhiều người Việt không em?
- Chắc cũng khoảng vài trăm, một ngàn người, nhưng ở rải rác thưa anh.
- Anh thấy tên cơ quan có chữ Indochinese. Chắc có người Miên nữa?
- Người Miên thì ít thôi, nhưng nhiều người Lào lắm anh à.
- Nhiều hơn người Việt mình không?
- Em cũng không biết rõ. lát nữa anh hỏi anh Liêm đi.

Hoàng cầm hồ sơ lại chiếc bàn nhỏ, ngồi xuống đó điền đơn. Chừng mười phút sau anh trở lại bàn người thư ký, đưa cho cô ta rồi lại về nơi chiếc bàn con ngồi chờ. Chừng mười lăm phút sau, Mỹ Linh đưa anh vào gặp Liêm. Trong một căn phòng to lớn có những cửa sổ kính nhìn ra đường và ra vườn sau, Liêm ngồi sau một trong ba cái bàn lớn dành cho những nhân viên làm

việc xã hội. Hoàng thấy những hàng chữ loằng ngoằng ghi trên những tấm bảng để trên mặt hai bàn kia, anh đoán chừng đó là bàn dành cho hai chuyên viên người Miên và người Lào. Khi anh đến gần, Liêm ngược mắt nhìn anh rồi mời anh ngồi. Hoàng ngồi xuống một trong hai cái ghế đặt trước bureau của Liêm. Trước mặt Liêm là mấy tờ giấy anh vừa khai lý lịch và tờ đơn anh đã ký xin Văn Phòng Giúp Người Tị Nạn Đông Dương giúp đỡ. Anh biết Liêm đã đọc và biết rõ lý lịch của anh trước khi mời anh vào nói chuyện.

- Chào Giáo Sư! Trước 75, em cũng học trường Luật. Em đang học năm thứ hai thì mất nước.
- Anh đừng gọi tôi giáo sư. Tôi có dạy anh ngày nào đâu. Xin anh cứ gọi tôi bằng anh. Thế anh sang Mỹ lâu chưa?
- Em đến Mỹ năm 78. Đến tháng Giêng là đúng ba năm rồi. Thế anh cũng vượt biển đến Thái Lan?
- Không tôi đi đường bộ. Tôi đi bằng Kämpuchia.
- Trời anh đi nguy hiểm quá há?
- Thì cũng thế thôi! Đi lối nào chẳng gặp chết? Anh đi đường biển?
- Vâng, em đến Song Khla. Em may mắn đi có bốn ngày là đến nơi. Có bị cướp nhưng may mắn chúng chỉ lấy vàng bạc rồi cho nước và chỉ đường cho bọn em đi.
- Số anh thật có phúc!

Liêm dừng lại một lúc nghĩ ngợi như thể anh nhớ lại chuyện gì trong quá khứ chưa lâu lắm. Chắc chắn anh chưa quên hết được những gì đã xảy ra trong cuộc đời anh. Nhìn Liêm anh đoán anh ta chỉ nhỏ hơn mình chừng năm tuổi. Những đau đớn của cuộc sống vẫn còn hằn trên nét mặt anh. Ba năm sung sướng chưa đủ để xóa đi những nhọc nhằn đến với con người.

- Thế anh sang đây một mình hay với cả gia đình?
- Em đi với một đứa em trai. Ba má em vẫn còn ở Saigon. Em đã làm giấy bảo lãnh nhưng không biết bao giờ mới được đoàn tụ gia đình. Anh cũng đi có một mình?
- Vâng, đi Kämpuchia tôi đâu dám đưa vợ con đi theo. Anh có thể giúp tôi làm giấy bảo lãnh được không?
- Ở đây không lo vụ bảo lãnh thưa anh. Để em giới thiệu anh đến USCC ở Manhattan. Ở đây chỉ lo giúp đỡ người tị nạn tìm nhà ở, đi bệnh viện khi ốm đau, tìm lớp học nghề hay tìm việc. Thế hôm nay anh đến đây có việc gì?
- Tôi muốn kiếm việc gì làm.
- Ở đây chỉ giới thiệu việc làm tay chân, làm trong các công xưởng thôi anh à. Không có việc cho anh đâu.
- Không có việc gì nhẹ, tôi có thể làm được? Tôi mới sang đây chưa tới một tuần, chưa đi học nghề. Tôi chỉ muốn kiếm chút đỉnh tiền...
- Anh có thể xin đi học Anh văn và ăn welfare một thời gian.

- Tôi không muốn xin trợ cấp xã hội. Tôi muốn đi làm liền.
- Vậy anh chờ lát nữa đây anh gặp bà Dolbrin. Bà là job developer ở đây. Chừng 11 giờ bà ấy mới đến. Sáng ra, bà đi đến các xưởng nói chuyện với những chủ nhân có việc làm cho người tị nạn.

Ngày đó anh mới tới Mỹ, anh chẳng hiểu cái nghề job developer là nghề gì. Anh đoán thử bằng cách dịch từ chữ ra tiếng mẹ đẻ và hiểu nó là “phát triển việc làm”, nhưng như vậy nó không có ý nghĩa nào hết. Sau này, anh muốn xin việc, người ta bảo anh đi gặp job developer thì anh mới biết đó là người liên lạc với chủ nhân những hãng xưởng để đưa người vào làm, ăn tiền hoa hồng. Hoàng bèn ra đợi nơi chỗ dành cho người ngồi chờ. Để giết thì giờ, anh mở những trang tuần báo ra đọc. Anh ra nơi bảng có ghim những mảnh tin tức loan báo cho các cộng đồng người tị nạn đứng đọc. Bỗng mắt anh sáng lên. Trên bảng có ghim một trang quảng cáo một lớp huấn luyện ba tháng về social work dành cho người tị nạn. Học viên được trợ cấp 300 đồng mỗi tháng. Nơi ghi danh và học là tại trường Adelphi ở Manhattan và lớp học sẽ bắt đầu vào đầu tháng sau. Anh định bụng sáng hôm sau anh sẽ lên Manhattan xin ghi tên tham dự khoá học này. Luôn thể, anh sẽ đến USCC xin bảo lãnh gia đình. Nghĩ thế anh đến nhờ Liêm giới thiệu với USCC. Anh thấy Liêm quay điện thoại nói chuyện với một người đàn bà Việt chị em em rất thân tình. Liêm đã nói đến anh trong câu chuyện và giới thiệu anh là giáo sư trường Luật Saigon với bà ấy. Sau một hồi vâng vâng dạ dạ, Liêm dừng máy và quay sang anh, Liêm nói:

- Anh sẽ đến gặp Tiến Sĩ Mai. Bà ấy sẽ làm mọi chuyện cho anh. Bà Mai rất tốt, anh khỏi lo. Em đã nói với bà ấy là anh muốn làm thủ tục bảo lãnh cho gia đình. Để em ghi địa chỉ văn Phòng USCC cho anh, và cả số điện thoại của Tiến Sĩ Mai nữa, trường hợp anh cần liên lạc.
- Cám ơn anh nhiều!
- Anh đừng cám ơn. Đó là một trong những dịch vụ trong văn phòng mà em phải làm thôi.

11 giờ hơn bà Dolbrin tới. Bà là một phụ nữ da trắng, tuổi khoản 35, 40. Thấy bà vào, Liêm đứng dậy chào rồi giới thiệu Hoàng với bà. Bà đưa tay ra cho Hoàng bắt, nói “Hello!” rồi mời anh vào phòng riêng, một trong hai căn phòng nhỏ hơn sát bên. Căn phòng lớn bên ngoài, nơi các social workers làm công việc phỏng vấn/điều tra gọi là “intake”, ăn thông với hai phòng nhỏ, một là của bà Dolbrin, căn phòng kia là của viên giám đốc.

Dolbrin mời anh ngồi rồi hỏi anh muốn kiếm loại việc gì. Anh nói anh biết chữ nhưng không có nghề, anh muốn làm một công việc gì không đòi hỏi hiểu biết chuyên môn, như dọn dẹp, bán hàng, hay sắp xếp đồ trong những của hàng lớn.

Bà nói anh đâu chịu làm những công việc tay chân, lương trả từng giờ ba bốn đô la một giờ. Anh nói "ai am hằng gơ ry, ai nít ê ni dốp tu ghết mo mo ni", bà nhìn anh với đôi mắt đầy thiện cảm vì bà thấy anh đâu có câu nệ. Ở Saigon anh là giáo sư, ở Hempstead anh là cu li, có chết ai đâu? Và lại, ai biết anh đã làm giáo sư trừ bà, vì anh đã lỡ để bà đọc resume của anh. Đã có lần anh xin việc làm janitor mà lại khai có bằng đại học ở Việt Nam, người ta lắc đầu không cho, bảo rằng anh "ô vợ qua li phai", lúc ấy anh không hiểu, anh cứ nằng nặc nói rằng ở Saigon anh đã từng đập xích lô, làm cu li quét nhà có gì khó, anh dư sức làm. Người ta cứ ngoan cổ nói "iu a ô vợ qua li phai pho dít dốp" làm anh tức điên người lên. Sau này gặp bạn cũ, qua đây đã năm bảy năm rồi, giải thích cho anh rằng đi xin việc tay chân thì khai mình chỉ học đến trung học đệ nhất cấp thôi. Khi đó anh mới hiểu đất Mỹ có những quan điểm khác bên mình. Dolbrin nói để bà xem nơi nào cần người, bà sẽ cho anh hay. Sau đó Hoàng chào Liêm rồi ra về. Liêm nói khi nào rảnh, mời anh trở lại.

Hoàng quay ra bến xe buýt và đi dọc theo cái bến dài hai ba trăm thước tìm nơi xe buýt đi Merrick đậu. Vì có cả hai chục bảng xe buýt khác nhau, mỗi bảng chỉ một nơi đến, đọc tên địa danh nghe lạ hoắc, anh cứ vừa đi vừa ngược mắt lên trời tìm kiếm mà không ra. Sau đó anh phải hỏi thăm và được người ta chỉ cho. Anh leo lên xe buýt ngồi chờ cho đến giờ xe chạy. Khi xe đã chạy được khoảng hai mươi phút rồi, anh cứ thấp thỏm, đứng lên nhìn đường rồi lại ngồi xuống. Thấy anh như gà mắc đẻ, người đàn bà ngồi bên cạnh biết anh không quen đi xe buýt nên hỏi anh muốn xuống đâu. Anh nói Merrick thì bà bảo ba trạm nữa thì tới nơi, anh có thể xuống. Anh cảm ơn người đàn bà ấy và thấy yên bụng hơn. Sau khi xuống xe, anh lững thững đi bộ về nhà, đi qua một căn nhà có trồng nhiều cây táo tây, anh thấy trái rụng đầy vườn, rụng cả ra ngoài vệ đường. Trông những quả táo to lớn còn tươi tốt, anh nhìn trước nhìn sau không thấy ai, cúi xuống lượm dăm quả dẫu vào trong áo nơi bụng. Anh hơi thấy mắc cỡ khi lượm đồ không ai nhặt, nhưng anh còn là dân tị nạn, đâu có nhiều tiền? Và lại, anh vẫn thích ăn táo tây, kể từ những ngày anh còn nhỏ khi bố anh mua từng thùng về, mỗi quả táo được bọc trong một tờ giấy màu đỏ và được để trong mùn cửa hay sợi gỗ bào nhỏ cuộn tròn để khỏi bị dập. Bảy tám năm rồi anh chưa được ăn miếng táo tây, kể từ ngày Cộng Sản cướp miền Nam. Cơm còn không có mà ăn, nói gì đến những đồ xa xỉ như táo hay nho? Sau này, mỗi lần đi qua căn nhà đó anh đều lượm dăm trái về ăn. Anh nghĩ trong khi ở bên nhà chết đói thì ở đây đồ thừa đồ đi, trái cây rụng hàng trăm trái không ai buồn nhặt, để cho thối rồi quét vứt đi. Mang về nhà anh phải dẫu diêm, không muốn cho Florence hay.

Trưa hôm đó về nhà anh thấy có lá thư của cơ quan IRC. Mở ra anh thấy có đôi ba tờ giấy mà anh sẽ phải đọc, điền vào những chỗ trống, và ký vào đó rồi gửi trả lại. Anh cũng thấy có tấm chèque hơn ba trăm mà anh đã nghe nói qua cuộc nói điện thoại hôm trước. Cầm tấm chèque trong tay, anh thấy

lòng hân hoan. Anh tự nhủ hôm sau anh lên Manhattan, anh sẽ đến ngân hàng lãnh tiền. Anh chưa đến ngân hàng lãnh tiền bao giờ, nhưng anh nghĩ sẽ không có gì khó khăn hết.

Hôm sau, đúng theo dự tính, Hoàng đợi cho cả nhà đi rồi anh mới bước ra khỏi nhà. Anh đến trạm xe lửa lúc 10 giờ sáng. Giờ đó chỉ còn lác đác dăm ba người chờ đi. Anh bỏ tờ 10 đồng vào máy, nhấn mấy cái nút để chọn nơi đến và mua vé khứ hồi. Cầm tấm vé trên tay, anh ung dung bước ra nơi xe lửa sẽ tới đậu. Nhìn trời mây một lúc thì xe lửa tới, anh bước vào toa xe gần như trống không, vô số ghế tha hồ muốn ngồi đâu thì ngồi. Anh nhìn qua chiếc cửa sổ, quang cảnh những tỉnh nhỏ ở Long Island không có gì thay đổi trong suốt chuyến đi. 45 phút sau xe lửa vào đến Penn Station. Không còn cảnh huyên náo như lần trước anh đến đó. Những người ra khỏi xe lửa cũng không còn vội vã, họ khoan thai bước, không chạy như ma đuổi. Hoàng đi vòng vòng một lúc cho biết rõ Penn Station. Bước qua một tiệm bán thuốc, anh dừng lại nhìn những hộp xì gà Cuba trông mà thèm. Anh ngắm những cây pipe và những bao thuốc pipe. Anh định bụng khi có việc làm ra tiền, anh sẽ mua một cây pipe. Những năm trước 75, anh đã ngậm pipe và mê cái mùi thơm ngọt lịm của thuốc Seventy Nine. Anh thấy thèm hút lại thứ thuốc ấy để ngửi lại mùi thơm của nó và để nhớ lại những ngày xa xưa, khi anh bắt đầu bước chân vào cuộc đời dạy đại học.

Anh đi ra khỏi Penn Station, đi dọc theo đường số 7 về phía Nam. Khi đi qua một chi nhánh nhỏ của ngân hàng Citibank, anh rẽ vào để lãnh tiền. Đứng trong hàng người chờ đợi, anh thò tay vào túi móc tấm ngân phiếu ra, nắm nó trong tay. Lần đầu tiên trong đời, anh đi lãnh tiền từ ngân hàng. Vào những năm 70 ngân hàng mọc lên như nấm ở Saigon, nhưng anh còn nghèo, đâu có tiền bỏ ngân hàng? Anh chỉ nghe nói đến việc mở trương mục và xử dụng chèque nhưng có trương mục bao giờ đâu mà xử dụng chèque. Những ngày đó anh đến thăm những người bạn làm thanh tra hay chuyên viên ngân hàng nhưng chỉ đến để rủ đi chơi. Tất nhiên anh đã học những lớp kinh tế tài chánh trong chương trình cử nhân Luật và biết tất cả những khái niệm về hoạt động ngân hàng nhưng đó chỉ là lý thuyết. Nay đến Mỹ, anh mới bắt đầu thực hành. Anh thấy hơi bối ngỡ, không biết phải làm gì, thủ tục lãnh tiền như thế nào, anh không hay.

Khi đến phiên anh tiếp xúc với người thư ký ngân hàng, anh bước đến gần quầy, chìa tấm chèque ra mà không biết phải nói gì. Người đàn bà hỏi anh muốn bỏ vào trương mục hay muốn lãnh tiền, anh không hiểu cứ ngớ người ra. Anh chẳng hiểu tiếng account chỉ chương mục và tiếng cash nghĩa là lấy tiền. Sau một lúc anh đành nói: "I want money!" và người đàn bà hiểu ý. Nhưng bà đòi anh đưa giấy tờ chứng minh như thế căn cước hay bằng lái xe. Anh nói anh là tị nạn anh không có và bảo anh đưa thẻ xanh. Anh lại bảo anh chưa có thẻ xanh, anh chỉ có tờ I 94 chứng minh anh là tị nạn. Bà bảo

đưa cho bà xem, anh chìa nó ra nhưng không có hình anh trên đó nên bà không biết phải làm sao, bà gọi manager ra, Người manager hỏi anh đến Mỹ bao giờ, anh nói mới 1 tuần, ông nhìn tấm chi phiếu của cơ quan International Rescue Committee, ông biết đó là cơ quan tị nạn nên ông đồng ý cho anh lãnh. Tất cả câu chuyện rắc rối xảy ra trong vòng mười phút đồng hồ, nhưng anh thấy ruột gan anh nóng như lửa. Anh đã tưởng nguội điện, không lấy được tiền, đã bắt đầu thấy buồn. Khi người đàn bà đếm những tờ giấy bạc trước mặt anh, anh mới hoàn hồn, anh mới thấy vui trở lại. Anh cầm những tờ giấy bạc trong tay đi ra khỏi ngân hàng lòng thấy hân hoan nhẹ nhõm. Ra đến cửa anh mới sực nhớ ra rằng cầm tiền trong tay có thể bị bọn bắt lương giựt mất, anh vội gập những tờ giấy bạc làm đôi bỏ vào túi. Anh cứ để tay trong túi như vậy cho đến lúc anh rút tay ra lúc nào anh không hay. Anh nghĩ bây giờ anh phải đi ghi danh học khoá huấn luyện về dịch vụ xã hội tại Adelphi University và đi đến nơi đó. Đêm qua anh đã nghiên cứu bản đồ nên nay anh chỉ việc theo tên đường mà đi. Đi bộ chừng nửa tiếng thì anh đến nơi. Anh thấy một toà nhà bốn tầng, trông chẳng có vẻ gì là đại học hết. Anh đứng trước toà nhà dăm ba phút nghĩ ngợi chưa biết có nên vào cái nơi trông giống như nhà thường dân ấy hay không thì anh thấy một nhóm thanh niên Kămpuchia nam có nữ có đi ra cười cười nói nói bằng cái thứ tiếng mẹ đẻ của họ mà anh đã quá quen thuộc vì đã nghe nó trong suốt gần một tháng trời bên ấy. Anh liền tiến tới hỏi thăm và được cho biết đúng nơi đó là trường Adelphi. Thì ra nhà trường chính ở Garden City đã mượn một phần căn nhà đó để làm nơi huấn luyện chương trình Social Worker. Anh mở cửa bước vào gặp người phụ trách. Cô ta đưa cho anh xấp hồ sơ bảo anh đem về nhà điền vào rồi đem lại. Nhưng anh mang sang một trong những phòng học trống bên cạnh đó, ngồi vào nơi bàn thầy giáo điền đơn và ký tên. Mười lăm phút sau anh mang trở lại văn phòng nộp, người đàn bà nhận đơn nhớ ra anh nói:

- Ông làm nhanh quá há! Ở Saigon ông làm gì?
- Tôi là Luật gia. Trước 1975, tôi là phụ giảng tại Đại Học Luật Khoa Saigon.

Bà trở mắt nhìn anh, không hiểu vì ngạc nhiên hay vì cho rằng anh khôì hài. Bà hỏi anh:

- Thật đấy à?
- Thưa bà tôi không biết nói dối bao giờ. Anh trả lời.

Người đàn bà lật những trang giấy ra xem lại, thấy anh đã điền đầy đủ, gập hồ sơ lại cất sang một bên rồi nói:

- Chương trình huấn luyện sẽ bắt đầu vào đầu tháng tới. Học viên sẽ họp mặt nơi đây. Ông sẽ nhận được thư báo chính thức và sẽ biết

chương trình học, thời khắc biểu, phòng học và tên giảng viên phụ trách mỗi lớp. Ông cũng sẽ nhận được danh sách những bạn cùng học một khoá. Đến cuối mỗi tháng ông sẽ nhận được tiền học bổng là 300 đồng. Ông có cần hỏi điều gì hay không?

- Có người Việt nam nào khác trong khóa học không thưa bà?
- Tôi không biết rõ. Những khóa trước đều có người Việt. Nhận được thư ông sẽ hay.
- Cám ơn bà.
- Thưa không có chi!

"*Thế là xong được một việc*" anh thầm nghĩ. Anh nhấc tay lên ngang tầm mắt, vén tay áo nhìn chiếc đồng hồ Seiko Five mà anh đã mua lại của một người tị nạn khác khi người này được chuyển trại hồi anh còn ở Thái Lan. Lúc đó đã quá 12 giờ. Anh nghĩ anh còn phải đến USCC làm giấy tờ bảo lãnh cho gia đình. Nhớ đến đó anh lật đật lấy cuốn sổ nhỏ ra trong đó anh đã ghi số điện thoại của Tiến sĩ Mai. Anh quyết định điện thoại cho bà ta để báo cho bà hay là anh đã đến Manhattan và xin gặp bà vào lúc 1 giờ 15. Anh tiến đến một phòng điện thoại công cộng, móc túi lấy mười xu để bỏ vào máy trước khi quay. Nhưng khốn nạn cho anh, anh cứ loay hoay mãi vì anh chưa biết phân biệt đồng một xu với đồng mười xu, cứ bỏ lầm đồng một xu vào trong máy để rồi đồng xu lại chui tọt xuống dưới hộp trả lại. Mãi sau anh mới vớ được một đồng mười xu và kêu được cho tiến sĩ Mai. Bà vui vẻ nhận gặp anh vào lúc 1 giờ 15 phút. Anh đặt ống nghe trở lại mở cửa phòng điện thoại bước ra. Anh đi bộ về hướng đại lộ số một trên đó có trụ sở của cơ quan USCC. Anh đi như vậy một tiếng đồng hồ thì đến vừa đúng giờ hẹn với tiến sĩ Mai. Khi gõ cửa bước vào, anh gặp một người đàn bà khoảng 50 tuổi trông rất đẹp tướng. Bả đang ngồi sau một cái bàn lớn đánh vernis nâu xậm bóng loáng. Trên bàn là hai bàn máy điện thoại, hàng chồng giấy tờ hồ sơ, và một khung ảnh khá lớn mang hình mấy đứa thiếu niên mà Hoàng đoán là con trai bà. Anh thấy bên Mỹ có tục lệ để ảnh gia đình, con cháu nơi làm việc, một tục lệ không thấy có ở Việt Nam. Trông thấy anh bước vào, bà đứng dậy mời anh ngồi rồi dang tay cho anh bắt. Bà nói:

- Anh kiểm địa chỉ này có khó không?
- Thưa chị không khó gì. Tôi đã xem bản đồ trước khi đi.
- Anh tới đây bằng gì?
- Tôi đi bộ. Tôi chưa quen đi xe lửa ngầm hay xe buýt.
- Ở Nữu Ước anh phải tập đi xe lửa ngầm chứ đi bộ vừa mất thì giờ vừa chết chân.
- Thưa tôi đi quen nên cũng không thấy mệt chân lắm.
- Anh ở Long Island, tỉnh nào?
- Merrick thưa chị.
- Thế anh đến Merrick được bao lâu rồi?
- Mới được một tuần thôi.

- Chắc anh nhớ nhà dữ há? Vừa đến Mỹ đã xin làm đơn đón gia đình.
- Thưa lúc này tôi rảnh rồi, công việc nào làm được thì làm cho xong.
- Thế anh trước làm Luật, anh có biết anh Luân không? Anh Luân làm Luật sư ở Saigon, nay làm văn phòng biện lý ở đây.
- Thưa chị tôi không rõ.

Ngồi nói chuyện một chập xong thì tiến Sĩ Mai đưa cho anh một tờ đơn và cây bút bảo anh điền. Khi anh đưa lại cho bà, bà cầm tờ đơn đi ra ngoài. Khi trở vào bà nói:

- Tôi cho đánh máy lại cho rõ. Sau đó, anh chỉ ký vào đấy là xong. Tôi sẽ gửi sang văn phòng ODP bên INS. Họ sẽ gửi thư thông báo việc họ đã nhận được đơn của anh và cho anh case number. Sau này có liên lạc với họ, anh sẽ phải ghi case number thì họ mới tìm được hồ sơ.

Chừng năm phút sau, người thư ký mang tờ đơn vào, tiến sĩ Mai đưa cho anh ký. Ký xong anh đưa lại cho bà rồi cảm ơn bà và xin kiểu từ.

Anh đi trở lại đại lộ số 7 bằng qua Broadway nơi anh thấy những nhà hát lớn mà anh đã từng nghe tiếng. Anh đi qua Avenue of the Americas thì biết đường tới là đại lộ số 7. Đến nơi anh dừng ở một trạm xe buýt đi về hướng Bắc và khi xe đến anh leo lên. Anh trở lại Penn Station lúc hơn hai giờ, lấy xe lửa trở về Merrick. Anh muốn về sớm để tránh giờ tan sở, xe sẽ đông người, không có chỗ ngồi. Anh về đến Merrick lúc chưa tới 3 giờ và khi vào đến nhà chưa có ai về, kể cả thằng Robie.

Tuần thứ nhất tại Merrick đã trôi qua, thứ bảy lại tới. Sáng thứ bảy vào khoảng 11 giờ, anh đang ở trong phòng mình nằm mơ mộng thì có tiếng Florence gọi anh từ dưới chân cầu thang:

- Anh Hoàng, có điện thoại của anh!

Anh chạy vội xuống cầm ống nghe và allo thì một giọng nói quen thuộc nói với anh bằng tiếng Việt:

- Allo anh Hoàng! Anh nghe có biết tiếng ai không?
- Thi chứ còn ai nữa!

Hoàng không sao quên được giọng nói của người con gái ấy, mặc dù đã hơn mười năm rồi anh không có dịp nào nói chuyện với cô ta. Giọng Thi có vẻ vừa thân thiện vừa sốt sắng:

- Anh vẫn mạnh khỏe chứ?
- Tôi vẫn bình thường. Mà làm sao Thi biết được tôi ở đây mà gọi?

- Vậy tôi mới hay chứ! Anh thấy tôi có hay không?
- Có lúc nào chẳng hay!

Anh bỗng nhớ lại những ngày anh học Đại Học Sư phạm Saigon. Ngày ấy anh thương em trong chiếc áo dài màu vàng nhạt, anh đã làm thơ tặng em, em cũng xúc động, nhưng không hiểu vì lý do gì em không đáp lại mỗi tình chớm nở của anh. Anh cũng đã khổ vì em, không phải vì thương em nhiều, mà vì bị chạm tự ái, hồi ấy anh đẹp trai, thông minh, và được bao nhiêu nàng thương thầm, chỉ mong được anh vờ tới. Anh chưa bị ai chê ngoại trừ Thi, cho nên anh tức lắm, anh càng cố gắng tấn công em thì em lại càng làm cao, anh lại càng tức mình, càng cố. Thật là cái vòng lẩn quẩn không đưa anh đến đâu, trái lại đã làm anh khổ sở một thời. Về sau này anh được biết Thi đi lấy chồng, chồng em làm kỹ sư ở Pháp về, em cũng được đi Mỹ tu nghiệp, khi về nước em cũng làm lớn ở bộ Giáo Dục, chánh sở hay giám đốc gì đó. Cuộc đời em lên hương, nếu không có cái gọi là "cách mạng" ấy, thì em đã sung sướng hạnh phúc nhất đời. Nhưng mỗi người đều có số mạng và có những đại hạn, tiểu hạn sướng và khổ. Do vậy sau một đại hạn đưa hai vợ chồng em lên như diều, là tiểu hạn xấu, gia đình em đi vượt biển, chồng em bị hải tặc giết, em may mắn thoát chết nhưng thành góa phụ, em ở thế nuôi con.

Nay anh đến Mỹ như một anh tị nạn khổ rách áo ôm, anh không hiểu làm sao em biết, em tìm được cả số điện thoại của nơi anh ở, em gọi cho anh hỏi thăm. Anh cảm động về lòng ưu ái của em, có lẽ em thông cảm cái khổ của những kẻ phải ra đi khỏi quê hương, đến xứ người lập lại cuộc đời. Thi nói hôm nào em sẽ đến đón anh về nhà em chơi. Anh nghĩ em chỉ nói cho vui, nhưng vẫn cảm ơn em; trước khi kết thúc câu chuyện điện thoại, em dặn anh cố gắng can đảm, không được yếu đuối, phải phấn đấu vì cuộc sống mới sẽ có nhiều khó khăn bước đầu. Em nói em tin tưởng rằng anh sẽ vượt qua được mọi trở ngại, vì em biết tính anh là người không chịu đầu hàng. Nhưng vì em đã từng thấy anh khóc trong những lúc anh yếu lòng, em mới khuyên anh phải can đảm. Anh đã lại phải cảm ơn em.

Rồi đến sáng chủ nhật, trong lúc ăn sáng, Florence nói với anh:

- Tôi đã tìm được việc làm tạm cho anh. Anh sẽ làm cashier ở Walbaum's, một siêu thị gần nhà. Lương là 5 đồng một giờ. Mỗi ngày làm vài tiếng. Thời khoá biểu sẽ mềm dẻo, anh muốn làm giờ nào thì làm. Tôi đã nói chuyện với Frank người manager. lát nữa tôi đưa anh đến gặp ông ta.

Nghe nói làm cashier, anh thấy lòng hơi lo lo. Làm sao anh biết xử dụng cái máy tính điện tử đó? Anh đâu có đánh máy giỏi đâu? Đánh lộn, mất tiền phải đền là bỏ cha! Nhưng anh không nói ra nỗi lo lắng của mình vì anh nghĩ để

từ từ xem sao. Làm được thì làm, không làm được thì nghỉ. Kiếm việc thì khó chứ bỏ việc thì dễ, bỏ lúc nào mà chẳng được. Nay có được việc làm, anh sẽ phải cố gắng, không biết thì học chứ có sao đâu?

- Cám ơn Florence. Bà thật là tuyệt vời!

Thế là sau khi ăn xong, Florence lái xe đưa anh đến siêu thị. Walbaum's cách nhà khoảng hai cây số, đi xe hơi thì chưa tới năm phút, nhưng đi bộ cũng phải nửa tiếng. Vừa bước chân vào, anh thấy một hàng dài đến một tá quầy tính tiền, đứng nơi mỗi quầy là một cô gái tuổi chừng mười tám hai mươi làm người thu tiền. Nhìn họ lạnh lẹn, nhấn những nút trên máy tính nhanh như cắt, anh bỗng thấy chột dạ. Họ đếm tiền thâu vào, trả tiền thối lại cũng lẹ làng. Anh bỗng thấy hoang mang và khi Florence giới thiệu anh với Frank người manager, đầu anh để đầu đầu. Frank hỏi anh có biết tiếng Anh không, anh trả lời có biết. Ông hỏi có biết xử dụng cái cash register là cái máy tính tiền hay không thì anh nói không nhưng anh thêm rằng nếu được chỉ cách xử dụng thì anh sẽ thấy không có gì khó khăn. Frank đưa anh đến gặp Pauline, người xếp của cả toán nhân viên thâu ngân và bảo Pauline huấn luyện anh. Như thế là cả trưa chủ nhật, anh đứng bên một em thâu tiền người Mỹ học nghề. Thỉnh thoảng em lại để cho anh tính tiền cho một người khách và những gì anh không biết thì em chỉ bảo. Lúc vắng khách, em giảng giải cách nhìn bảng giá, cách phân biệt từng món hàng khi hai món hàng giống nhau, và cách tính những coupons mà khách hàng có. Lúc đầu anh chẳng hiểu coupons là gì, nhưng sau khi đứng nhìn người thu ngân tính tiền một lúc anh hiểu đó là những mảnh giấy cho phép khách hàng được bớt tiền. Hôm ấy, mặc dù anh chỉ đứng học việc thôi nhưng anh vẫn được trả lương. Lúc ra về Pauline hỏi anh chừng nào muốn bắt đầu, anh nói ngay ngày hôm sau là thứ hai. Nàng hỏi anh muốn làm giờ giấc thế nào, anh xin được làm vào buổi chiều tối. Pauline cho anh làm từ năm giờ chiều đến 10 giờ đêm, ngày nào cũng vậy, bảy ngày một tuần. Nàng nói ngày nào muốn nghỉ, anh phải báo trước 24 tiếng để nàng tìm người thay thế.

Những ngày anh làm ở Walbaum's cũng có nhiều kỷ niệm vui buồn. Vui khi anh được mấy em Mỹ nhí quây quần xung quanh nói chuyện, hỏi anh đủ mọi câu hỏi, từ những câu vô thưởng vô phạt như quê hương anh nơi đâu, tại sao anh lại bỏ xứ ra đi, nơi anh sanh ra có nhiều cảnh đẹp không, món ăn ngon của người Việt là những món nào, vân vân... cho đến những câu độc địa như con gái Việt nam bắt đầu làm tình từ mấy tuổi, con trai Việt có mạnh về sinh lý hay không, anh có biết cách làm cho người tình sướng nhiều không, anh đã đi qua bao nhiêu người đàn bà, vân... vân... Nhiều em có vẻ khoái rủ anh đi chơi, anh cũng đi ăn, đi vào quán ca phê nhưng không dám tấn công vì còn ngu ngơ, không biết phải làm sao. Chỉ buồn là khi anh phải đi bộ vào mùa đông lạnh căm căm về nhà vào lúc mà ai nấy đã lên giường ấm áp chuẩn bị đi ngủ. Vào những ngày có tuyết đổ, anh phải dẫm lên tuyết hai

mười phân cao mà đi trong bóng tối, anh bỏ hai tay vào trong túi áo ấm mà sao vẫn thấy lạnh. Anh cúi thủi đi một mình trên đường phố vắng người, như một bóng ma, đầu óc tê tái, tê vì lạnh thì ít mà tê vì nỗi buồn của kẻ cô đơn thì nhiều. Vào cái tuổi chưa già nhưng hết còn thanh niên, những lúc cô đơn như thế, anh thấy cuộc đời vô vị, chẳng có lẽ sống cho ra hồn. Vì thế trên con đường đi về nhà, anh đã đốt hết điếu thuốc này lẫn điếu thuốc khác và đôi khi anh có trong túi áo ấm chai cognac nhỏ, lấy ra tu cho thêm ấm lòng và đỡ buồn bực. Hình như đời anh chỉ còn cognac và thuốc lá cho bớt cay đắng, bớt chua xót. Nửa giờ đi trong bóng đêm lạnh lẽo đủ để gieo vào đầu anh bao hình ảnh, hình ảnh thật của quá khứ có, hình ảnh do trí óc tưởng tượng của anh tạo nên cũng nhiều. Những lúc ấy, sao anh mơ đến bóng giáng một người yêu nhiều đến thế. Nhưng mơ để mà mơ, tưởng để mà tưởng, vì tìm đâu ra được điều anh mơ ước?

Một cuối tuần, anh cũng nhận được cú điện thoại của Dân, một người bạn cũ từ những ngày anh còn đi học trường Luật Saigon. Những năm đó sinh viên thường họp nhóm này nhóm nọ để bàn về tình hình nhiều nhương của đất nước. Những người còn tuổi thanh niên tràn đầy nhiệt huyết và khí phách hay tỏ thái độ, hay tìm cách nói lên những mơ ước thầm kín của mình. Mơ ước một xã hội công bình, mơ ước mang đến sự no ấm cho những kẻ nghèo đói, mơ ước làm sạch một xã hội đang đầy thối nát tham nhũng, và đôi khi mơ ước chiến thắng và hoà bình. Còn biết bao mơ ước khác, nay anh đã quên. Sau bấy năm trăm mình trong một trạng thái tê liệt về tâm trí, bởi vì anh đã sống trong một chế độ chuyên chế có chính sách đàn áp tư tưởng con người và thống trị duy tâm bằng những giải pháp gây khủng hoảng tinh thần, khủng bố tâm trí, và diệt trừ suy tư. Nhớ đến Dân, là nhớ lại nhóm bạn tranh đấu xưa kia của anh. Nay những người bạn tâm huyết đó đang ở nơi nào, anh cũng chẳng biết. Kể từ những ngày sinh viên ấy đến nay cũng đã gần hai chục năm rồi. Thời gian và hoàn cảnh đã chia cách nhau, lịch sử đã đổi thay, nay tất cả chỉ còn là dĩ vãng.

- Dân đây, chắc bạn còn nhớ chứ?
- Quên sao được mà bạn hỏi.
- Hôm trước tình cờ đọc được danh sách tị nạn do cơ quan xã hội địa phương công bố, tôi thấy tên bạn có cả địa chỉ lẫn số điện thoại để liên lạc tôi mừng quá. Tính gọi hỏi thăm liền nhưng lại phải đi công tác xa. Nay vừa về, gọi cho bạn ngay đây.
- Cám ơn Dân còn nhớ đến thằng này. Nghe giọng bạn tôi thấy sung sướng làm sao!
- Tôi cũng vậy. Thấm thoát mình đã không gặp lại nhau mười năm rồi đấy. Tôi đi du học mần 71, về lại năm 75 để rồi lại ra đi ngay. Đâu đã kịp tìm lại bạn đâu?

- Ừ nhỉ. Tôi cũng không còn nhớ rõ nữa. Nhanh thế đấy! Bạn không nói ra, tôi cũng không ý thức được rằng thời gian đã trôi nhanh như thế!

Hai người tâm sự với nhau một lúc rồi Dân hẹn sáng thứ bảy đến đón anh về nhà chơi. Như thế cuối tuần đó, anh lại được trải qua một buổi chiều êm đềm bên gia đình người bạn. Dân đến đón anh và đưa anh về nhà mình ở Queensborough. Đêm hôm ấy anh ngủ lại nhà Dân để sáng hôm sau, ăn sáng xong, Dân đưa anh đi thăm một người bạn khác ở Garden City. Nhưng khi đến nhà người bạn đó thì anh không có nhà, Dân đành đưa anh về Merrick. Gặp lại Dân, anh được Dân cho một chiếc áo lạnh bằng vải bông khá dày, bọc vải Nylon bên ngoài, có phần phủ đầu, đi mưa hay tuyết rất tiện. Dân nói chiếc áo do một người đến chơi nhà anh để quên, mà anh không biết ai để trả lại. Nó hơi lớn nhưng mặc rất ấm và Dân biết, do tiên đoán thời tiết, mùa Đông năm đó sẽ rất lạnh và sẽ đổ tuyết nhiều, nên anh đưa cho bạn chiếc áo đó dùng tạm. Hoàng cảm ơn Dân về lòng tốt và cả về sự thành thật của anh. Sau này vì ai nấy phải lo kiếm sống nên Hoàng cũng không còn dịp nào để gặp lại Dân nữa. Tuy nhiên anh vẫn ghi ơn bạn trong lòng vì anh nghĩ sống ở xứ này ít ai còn cái tâm để nghĩ đến những người khác, nhất là đến những người không có ích gì để mà nghĩ đến.

Đầu tháng mười một năm đó Hoàng bắt đầu tham dự khóa huấn luyện của Đại Học Adelphi. Anh đã nhận được thư xác nhận anh được ghi tên, và trong thư có thời khoá biểu và danh sách học viên. Anh sẽ phải học từ thứ hai đến thứ năm mỗi ngày từ 9 giờ sáng đến ba giờ chiều. Chương trình học có những môn Anh Văn, Tâm Lý Thực Hành, Công Tác Xã Hội, Nhu cầu Của Người Mới Di Dân, và đi thăm những người tị nạn cần được giúp đỡ. Học viên trong lớp anh là những thanh niên tuổi từ 25 đến 30, phần lớn chưa học Đại Học. Ngồi chung với họ trong lớp học anh thấy buồn cho thân phận mình, nhưng vì cần số tiền 300 đồng hàng tháng anh phải chịu. Những môn học cũng thật dãn dật, anh không cần ngồi trong lớp học cũng biết được. Anh chỉ cần có những tài liệu để tự đọc lấy, chẳng cần đến giảng viên. Những giảng viên khi nghe anh tự giới thiệu và nghe anh nói cũng biết anh thuộc loại nào. Họ kính nể anh và đối xử với anh khác những học viên khác.

Thế rồi một hôm, anh nhận được một tấm giấy nhỏ do người phụ trách chương trình huấn luyện đưa tay cho anh. Mở ra đọc anh mới hay người nữ giáo sư trưởng bộ môn của trường muốn gặp anh nói chuyện. Khi anh lên gặp Tiến Sĩ Polansky tại văn phòng bà, bà nói một giảng viên trong chương trình anh đang theo học đã nói chuyện với bà về anh và bà muốn nghe chuyện anh bỏ gia đình lại, liệu mình đi bằng Kämpuchia tìm tự do. Bà nói năm 1945, bà cũng đã phải trải qua bao nhiêu nguy hiểm mới trốn được khỏi Ba Lan. Và khi anh kể những gian nguy anh đã gặp trên đường rừng bên Kämpuchia, sự mất liên lạc với đứa con trai đầu lòng bị bắt lại gần biên giới Thái, bà đã chăm chú nghe và vì bị xúc cảm, bà đã để rơi nước mắt. Bà nói:

- Tôi rất thông cảm với anh vì số phận của tôi khi tôi còn trẻ cũng giống số phận của anh. Câu chuyện của anh làm cho tôi nhớ lại câu chuyện của tôi. Cuộc đời của anh cũng giống cuộc đời của tôi. Chúng ta là nạn nhân của thời thế. Cũng như anh, tôi đã bị buộc phải bỏ quê hương thân yêu ra đi. Là một trí thức như anh, tôi muốn làm một cái gì mà tôi có thể làm được để giúp anh. Khóa huấn luyện mà anh đang tham dự thật vô nghĩa đối với anh. Anh đã là một giáo sư đại học, anh không làm những công việc tầm thường đó! Anh cho tôi ít ngày, tôi sẽ tìm cách giúp đỡ anh.

Nghe bà nói, Hoàng rất cảm động. Anh nói:

- Thưa giáo sư, tôi cảm thấy thật may mắn được gặp một người tốt như giáo sư. Có thể thượng đế đã thương tôi và xui khiến tôi gặp giáo sư, chứ có lẽ nào hai người có hoàn cảnh tương tự như giáo sư và tôi lại có thể gặp nhau?
- Anh nói có thể đúng. Nhưng dù sao thì chúng ta cũng đã biết nhau. Tôi nghĩ nếu anh muốn tiếp tục đi dạy ở đại học thì tôi có thể xin cho anh một fellowship để anh làm PhD tại trường tôi đây. Nhưng cái gì cũng phải từ từ, anh cho tôi ít lâu để tôi suy nghĩ.
- Cám ơn giáo sư. Tôi có thể chờ bao lâu cũng được. Tuy nhiên tôi cần cái stipend đang có để tạm sinh sống...
- Anh cứ tiếp tục chương trình huấn luyện đó cho đến khi tôi tìm được cho anh một việc làm khác khá hơn. 300 đồng một tháng chắc không đủ cho anh tiêu.

Khi Hoàng trở xuống lớp học, đầu óc anh cứ luẩn quẩn những lời nói của Tiến sĩ Polansky. Anh mong sớm được bà giúp đỡ kiếm cho anh một việc gì làm kha khá đồng lương để anh có thể có tiền gửi về giúp vợ con. Nghĩ đến Nga, anh chợt nhớ ra rằng có đến cả tháng nay, anh chưa biên thư cho nàng. Thế rồi óc anh bay bổng về Saigon, anh tưởng tượng ra vợ anh vẫn đi làm cho cái nhà thuốc dân tộc ấy, con anh vẫn ở với bà nội của chúng, vẫn ngày ngày đạp chiếc xe đạp nhỏ xíu đi qua cầu Thi Nghè, đến trường Trần Quý Cáp. Thế rồi anh nghĩ đến Trường Luật, ngay gần nơi con anh đang đi học, cái trường anh đã theo đuổi tám năm trời vô tích sự, để rồi bao kiến thức về Luật của anh đã bị chế độ Cộng Sản xóa mờ đi trong tâm trí. Bởi vì giờ đây anh còn nhớ gì bao nhiêu, mớ kiến thức về Luật Học đó? Và cứ như thế từ hình ảnh này kéo theo hình ảnh khác, cuốn phim quá khứ diễn ra trong đầu óc anh làm anh quên đi thực tại, quên đi rằng anh đang ngồi trong một lớp học ở Manhattan. Cho đến lúc Hương, một học viên đồng khóa người Việt vỗ nhẹ vào tay anh nói:

- Kia anh Hoàng! Anh làm gì mà thờ người ra thế? Bà Mary kêu anh kia kia!

Anh giật mình tỉnh mộng và nói:

- Yes madam?
- Are you daydreaming, Mr. Hoàng?
- Perhaps, I was. I am sorry!
- That's Okay.

Khi anh ngồi trên chuyến xe lửa để về Merrick, đầu anh nặng như cái cùm, anh thấy mệt mỏi tinh thần và buồn ngủ. Anh ngồi trên con tàu lắc lư ngủ được một giấc ngắn và thấy khoan khoái hơn khi tỉnh dậy. Trên đường về nhà từ trạm dừng, anh ghé lại một quán rượu uống chai bia.

Cuộc đời Hoàng dần dần đi vào nề nếp. Cuối tháng Mười Một anh tìm được thêm một việc làm nữa. Nhân đi qua một tiệm bán trái cây của người Đại Hàn cách nhà chừng một cây số, anh thấy một biển nhỏ ghi tìm người giúp việc. Anh vào hỏi và được nhận vào làm ngay từ ngày hôm sau. Công việc của anh là khiêng những thùng rau và trái cây từ xe chuyên chở vào kho hay từ kho chứa ra kệ để bày bán. Anh cũng phải lựa những trái cây hay rau hư thối bỏ đi. Sáng sớm bốn năm giờ sáng anh đã phải đi khiêng những thùng trái cây hay rau nặng hai ba chục kí, nhiều lúc muốn treo xương sống lưng. Anh làm ngày hai ba tiếng được mười mười lăm đô la; sau đó anh lấy xe lửa lên Manhattan theo khoá huấn luyện Social Work. Gái Đại Hàn không xinh như gái Nhật, khi anh ra về họ đến làm công việc tính tiền cho khách. Thấy anh các em chào hỏi, có em muốn tìm hiểu anh hơn, nhưng anh không thấy hứng, anh chỉ hello. Chiều về từ năm giờ đến mười giờ tối anh làm cashier tại Waldbaum's, khi đến anh phải hello cả chục em Mỹ non, tuổi chưa quá hai mươi, các em khoái exotic nên giờ break cứ sấn vào anh hỏi đủ thứ chuyện. Nhưng hồi ấy anh còn nhát, chưa dám làm gì bậy. Sau này, khi anh thấu hiểu lối sống và tục lệ Mỹ, thì anh đâu còn ở trong môi trường đó nữa? Anh cứ tiếc hùi hụi.

Tối một hôm thứ năm, Thi lại gọi điện thoại cho anh. Em nói vẫn tắt rằng đến chiều thứ bảy em sẽ đến đón anh về nhà em chơi. Thế rồi cuối tuần em đón anh về nhà em ăn cơm thật, ăn cơm với thịt kho nước dừa, dưa giá, chỉ đơn giản như thế thôi mà anh ăn sao thấy ngon miệng đến thế, có lẽ vì suốt gần năm tháng ở các trại tị nạn và hai tháng ở Mỹ, anh không được ăn thứ thức ăn đó. Ở tị nạn bên Thái thì cơm chỉ ăn với cá hộp, cá nấu với nước muối tanh ghê gớm nhưng cũng phải nuốt. Nhưng so với năm bầy bầy, bầy bầy tám ở Saigon ăn mì sợi làm bằng bột mì có bọ, bo bo, khoai lang hà, hay khoai mì thối còn sướng chán! Sang đến Mỹ thì tha hồ thịt bơ sữa bánh mì, ăn hoài cũng ngán, nay được ăn tí thịt kho mỡ mận ngọt ngọt, phảng

phất mùi nước mắm và nước dừa, hương vị quê hương, thấy sao nhớ Saigon ơi là nhớ!

Thế rồi đến cuối tháng mười một, anh nhận được giấy của tiến sĩ Polansky kêu anh lên gặp bà. Vừa thấy anh, bà nói:

- Tôi có tin mừng cho anh! Tôi kiếm ra được một việc anh có thể làm tạm trong lúc tôi tìm cho anh cái fellowship.
- Việc gì vậy, thưa Giáo Sư?
- Sinh viên cao học ở đây mỗi tuần một lần phải đi thực tập. Họ phải đi tiếp xúc với những người tị nạn để về viết case study. Trong số những dân tị nạn, có người Haiti. họ nói tiếng Pháp. Chúng tôi cần người làm công việc thông dịch. Anh rành tiếng Pháp, anh có thể đi theo những sinh viên đó để giúp họ. Anh chịu không?
- Thưa làm như vậy full time?
- Theo nguyên tắc thì full-time, nhưng thực tế anh không phải làm mỗi ngày đâu. Chỉ khi nào người tị nạn là dân Haiti nói tiếng Pháp thì mới cần đến anh.
- Dạ thưa Giáo Sư, tôi sẽ được lãnh lương tháng?
- Vâng, tôi không biết chắc bao nhiêu, nhưng anh sẽ nhận được khoảng sáu bảy trăm một tháng. Công việc làm sẽ dễ chịu, vì anh sẽ làm việc với sinh viên Cao Học.
- Thế tôi sẽ làm việc ở Manhattan?
- Không đâu. Nhà trường có mở văn phòng giúp người tị nạn ở Hempstead. Tiến Sĩ Kerpen là giám đốc cơ quan này. Anh sẽ làm dưới quyền bà với tư cách một interpreter (Thông dịch viên). Thứ sáu này, anh đến gặp Tiến sĩ Kerpen. Tôi đã nói chuyện với bà ấy về anh. Bà ta sẽ cho anh biết thêm những chi tiết anh cần biết. Đây là giấy ghi địa chỉ và số điện thoại nơi đó.

Tiến Sĩ Polansky đưa cho anh một tờ giấy, anh cầm và nói:

- Thưa Giáo Sư, tôi đã đến nơi đó một lần, nhờ vậy mà tôi được biết chương trình huấn luyện...
- Thế thì tốt! Hempstead gần nơi anh ở, đi lại sẽ thuận tiện cho anh.

Khi trở lại cơ quan giúp đỡ người tị nạn ở Hempstead vào hôm thứ sáu, anh rất vui mừng gặp lại Liêm. Anh kể hết mọi chuyện cho Liêm nghe, từ chuyện anh thấy được tin thông báo chương trình huấn nghiệp cho đến việc gặp Giáo Sư Polansky, và kết thúc bằng việc anh được nhận làm thông dịch viên trong văn phòng. Liêm mừng rỡ nói:

- Em chào đón anh đến nơi đây làm việc. Có thêm anh sẽ thật là vui. Để em báo tin này cho Mỹ Linh nghe.

Liêm đi ra phía trước nơi Mỹ Linh ngồi và vài phút sau cả hai người trở lại, Mỹ Linh chìa bàn tay cho anh bắt và niềm nở nói:

- Anh Hoàng! Có thêm anh trong văn phòng, “đời càng dễ thương”
- Mỹ Linh trước ở Pleiku phải không?
- Sao anh biết?
- Anh nhớ một bài hát có câu “Em Pleiku, má đỏ môi hồng” rồi “May mà cò em, đời càng dễ thương”
- Trời! Anh Hoàng cũng nghệ sĩ một cây!

Liêm nhìn hai người nói chuyện tùm tùm cười. Hôm ấy, Hoàng đã vào gặp viên giám đốc và đã nhận việc. Đến đầu tháng mười hai anh thôi không tham dự khóa huấn luyện ở Manhattan nữa và bắt đầu đi làm hàng ngày từ 9 giờ sáng đến 4 giờ chiều tại Hempstead. Anh được một bàn làm việc nhỏ ngồi gần bàn của Liêm. Những bữa anh không đi theo sinh viên cao học, anh chỉ ngồi chơi suốt ngày. Đôi khi anh giúp Liêm phỏng vấn người tị nạn Việt hay đi theo Liêm khi anh đi công tác. Những lần đó anh đều phải được phép của tiến sĩ Kerpen. Nhưng cũng nhờ vậy mà anh quen biết thêm một số người Việt định cư tại Long island, trong đó có Hùng, một anh thợ sửa xe có giấy phép, tuổi chưa đến 30. Hùng đôi khi đưa anh về nhà ăn nhậu. Mỗi lần như thế vợ Hùng lại làm cơm cho anh và chồng ăn. Sau này, khi Thi xin được cho anh một chiếc xe Ford Pinto cũ của một gia đình Việt Nam, ở cách Merrick khoảng 20 miles, chính Hùng đã đưa anh đi lấy xe về. Vì chiếc xe để lâu không chạy nên Hùng phải thay bình điện và hí hoáy mãi mới cho được xe nổ máy. Sau đó anh để đèn cấp cứu và chạy xe anh đằng trước chậm chậm còn Hoàng lái chiếc Pinto theo sau. Đi như thế mà anh đâu đã có bằng lái Mỹ đâu. Nghĩ lại anh đã quá liều, nếu mà chẳng may bị cảnh sát chặn lại thì anh đã bị nguy to. Mang được chiếc xe về đến nhà, Seymour cứ lắc đầu, kêu xe người ta vứt đi mà sao anh còn nhặt về? Thân phận tị nạn là thế. Khi ấy anh quá nghèo, được người khác cho chiếc xe anh khoái quá quên tất cả. Mà nghĩ lại, thì quả thật nếu không lấy chiếc xe ấy thì còn lâu anh mới có một chiếc xe để đi làm. Để có bằng lái Mỹ, Hùng đã đưa anh đi đổi bằng lái xe cũ của Saigon lấy bằng lái xe mới của tiểu bang Nữu Ước, nhờ thế mà anh không phải thi lại phần lái xe mà chỉ phải thi phần viết về luật đi đường mà thôi.

Sau khi làm việc một thời gian ở văn phòng, anh hiểu rõ hơn về những người anh thường gặp tại nơi anh làm việc:

Ngoài bà Dolbrin làm Job developer mà anh đã kể đến trên đây còn có:

- Liêm, người social worker Việt là một thanh niên còn trẻ, dưới ba mươi chưa có vợ. Anh đã làm cho văn phòng được một năm. Anh sang Mỹ tị nạn cũng đã gần ba năm, và lúc ấy đang đi học ở Hoffstra University để lấy BS về Computer Science. Liêm có chiếc xe station wagon cũ, mỗi ngày phải đưa những người tị nạn đi kiếm nhà thuê, đi kiếm việc làm, đi bệnh viện khám sức khỏe, đi khai giấy tờ lung tung đủ thứ. Trông anh ngon hơn Hoàng vì anh mặc đồ xin hơn, và trong túi luôn luôn có tiền. Anh cũng đôi khi đưa Hoàng đi uống bia vào buổi chiều thứ sáu và tỏ ra thân thiện. Nhưng anh rất bận vì phải vừa đi làm vừa đi học. Làm cái công việc công tác xã hội này, anh quen biết hầu hết mọi người trong cộng đồng Việt ở địa phương.
- Souvanovong và Socheung, là hai social workers người Lào và Miên làm công việc tương tự như Liêm, tuy hiền lành nhưng cũng ít giao thiệp với Hoàng. Họ chỉ lo làm công việc của họ, và vì hai cộng đồng Lào và Miên khá đồng nên họ cũng bận. Chỉ có Souvanovong lâu lâu nói chuyện với anh bằng tiếng Pháp khi đi ra ngoài, như khi đi ăn cơm trưa với cả nhóm, cô ta cũng tránh nói tiếng Pháp trong văn phòng, có lẽ để không làm phiền tiến sĩ Kerpen và bà Dolbrin. Sau này Hoàng mới biết rằng người Mỹ họ không thích mình dùng một thứ tiếng mà họ không hiểu trước mặt họ trừ phi bắt buộc, như trong trường hợp các người tị nạn đến xin giúp đỡ, không biết tiếng anh phải dùng tiếng mẹ đẻ. Souvanovong người mập mập nhưng không đến nỗi béo, có đôi mắt lá dăm, nhiều lúc nhìn anh như ngây ngất, làm cho anh thấy hơi khó chịu làm sao ấy trong lòng...
- Còn tiến sĩ Kerpen, giám đốc văn phòng, kiêm giáo sư thực tập cho các sinh viên cao học của trường công tác xã hội này, là một người đàn bà Mỹ trắng lăm lăm, khó tính, ít khi vui vẻ với nhân viên. Bà chỉ biết làm cho hết công việc, phần lớn chỉ ngồi trong căn phòng riêng dành cho bà, ít khi đi ra ngoài trừ phi có việc cấp kíp. Thường thì các nhân viên muốn liên lạc với bà phải vào trong đó và khép cửa lại, làm cho Hoàng có cảm tưởng như đang làm việc trong cơ quan FBI hay CIA chứ không phải là làm cho một văn phòng thiện nguyện.

Thời gian trôi đi, khí thu dần dần biến đổi, trời ngày càng lạnh và những cây cối đã mất hết lá chỉ còn trơ trụi những cành đen thui thui. Nắng cũng tan biến đi đâu chỉ lâu lâu mới lại xuất hiện. Mùa đông đã bắt đầu vì đã đi vào tháng 12 hai tuần rồi. Hôm Seymour và anh ra đường chờ chiếc xe chở dầu đến, anh biết chẳng bao lâu nữa hệ thống sưởi trong nhà sẽ phải chạy hết ga, 24 giờ một ngày, tháng này sang tháng kia. Anh chuẩn bị tư tưởng để ứng phó với cái lạnh ghê hồn của Nữ Ước.